TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 150/2024/QĐST–HNGĐ	*A, ngày 17 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 374/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Xuân T, sinh năm 1977; địa chỉ: tổ C, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1976; nơi cư trú: tổ C, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng chính sách xã hội huyện A. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện theo pháp luật là ông Dương Quyết T1 – chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng C.

Đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Võ Hoàng Anh P – chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch huyện A; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang (Theo Văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Ngân hàng C về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án).

2. Ngân hàng N3 (S) – phòng G. Địa chỉ: Trung tâm thương mại A, khóm A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1986, cư trú: ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

4. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1952, cư trú: ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

5. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979, cư trú: ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 7 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Phạm Thị Xuân T và ông Nguyễn Văn N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Bà T được tiếp tục nuôi dưỡng 01 (một) con chung tên Nguyễn Phạm Xuân N1, sinh ngày 18/01/2006, bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Ông N tự nguyện hỗ trợ cháu N1 số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), với hình thức chuyển vào số tài khoản 6703285181390 mang tên Nguyễn Phạm Xuân N1 được mở tại Ngân hàng N4 - chi nhánh huyện A, mỗi tháng 2.000.000đ. Thời gian bắt đầu thực hiện tháng 5/2024 cho đến khi đủ số tiền 50.000.000đ.

2.2. Về tài sản chung: Bà T và ông N thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu của bà Phạm Thị Xuân T về việc chia tài sản chung đối với căn nhà kích thước 4,5m x 17m, kết cấu nhà bê tông cốt thép, nền lót gạch men, vách tường, lợp tole, có gác lửng đà, sàn bằng gỗ, tọa lạc Khu dân cư V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang và phần đất diện tích 3.000m^2 đã sang nhượng cho người khác với số tiền 210.000.000đ.

2.3. Về phần nợ chung:

Bà T, ông N và đại diện Ngân hàng chính sách xã hội huyện A ông Nguyễn Võ Hoàng Anh P thống nhất ông N có trách nhiệm thanh toán số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 01/06/2020 được ký kết giữa hộ ông Nguyễn Văn N và Ngân hàng chính sách xã hội huyện A. Ngân hàng chính sách xã hội huyện A không có yêu cầu độc lập, sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác.

Bà T, ông N và đại diện Ngân hàng N3 (S) – phòng G thống nhất ông N có trách nhiệm thanh toán số tiền dư nợ 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) tính đến ngày 11/3/2024, theo hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD2007400275 ngày 14/03/2020được ký kết giữa ông Nguyễn Văn N và Ngân hàng N3 (S) – phòng G. Ngân hàng N3 (S) – phòng G không có yêu cầu độc lập, sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác.

Bà T, ông N và bà M thống nhất ông N có trách nhiệm thanh toán số tiền 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng) cho bà M, theo giấy nhận nợ ngày 07/9/2022(al). Bà Nguyễn Thị M không có yêu cầu độc lập, sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác.

Bà T, ông N và ông T2 thống nhất ông N có trách nhiệm thanh toán số vàng 04 (bốn) chỉ vàng 24kra cho ông T2, theo giấy nhận nợ ngày 09/02/2022(al). Ông Nguyễn Văn T2 không có yêu cầu độc lập, sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác.

Bà T, ông N và ông Đ thống nhất phần đất cầm cố cho ông Đ đã chuộc lại, hai bên không tranh chấp, ông Đ không liên quan trong vụ án.

2.4. Về phần nợ riêng: Đình chỉ yêu cầu của bà T về việc ông N phải hoàn trả 02 (hai) chỉ vàng 24kra. Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về phần án phí và chi phí tố tụng:

Về chi phí tố tụng: Bà T tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo biên nhận tạm ứng của Tòa án nhân dân huyện An Phú ngày 18/01/2024.

Về án phí: Bà Phạm Thị Xuân T tự nguyện chịu 150.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008645 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, bà T được hoàn lại 150.000đ.

Bà Phạm Thị Xuân T được nhận lại số tiền 8.875.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009195 ngày 25/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí, chi phí nào khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thảo N2